SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU CÁT HẢI; 29/12/2025; 15:29:11 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5233 /QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày 25 tháng 12 năm 2025*

UBND. ĐẶC KHU CÁT HẢI
CÔNG VĂN ĐẾN
SỐ: 11612
NGÀY: 29/12/2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển giao 16 cơ sở nhà, đất của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu về Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố quản lý, khai thác

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 26/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc xử lý đối với tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp dôi dư, không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 9671/STC-QLCS ngày 10/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển giao nguyên trạng 16 cơ sở nhà, đất của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu: Lê Chân, Nam An Phụ, Quyết Thắng, Cát Hải, Tiên Lãng về Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố quản lý, khai thác, cụ thể:

- Danh mục tài sản chuyển giao: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo

- Cơ quan có tài sản chuyển giao: Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu: Lê Chân, Nam An Phụ, Quyết Thắng, Cát Hải, Tiên Lãng.

- Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao: Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố.

- Lý do chuyển giao: Cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản không còn nhu cầu sử dụng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu: Lê Chân, Nam An Phụ, Quyết Thắng, Cát Hải, Tiên Lãng:

- Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu: Lê Chân, Nam An Phụ, Quyết Thắng, Cát Hải, Tiên Lãng phối hợp với Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố tổ chức thực hiện bàn giao tài sản là cơ sở nhà, đất theo quy định.

- Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 02/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.

- Sau khi hoàn thành việc bàn giao tài sản, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu: Lê Chân, Nam An Phụ, Quyết Thắng, Cát Hải, Tiên Lãng hạch toán giảm tài sản theo quy định.

2. Giao Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố:

- Tiếp nhận tài sản là cơ sở nhà, đất từ Sở Y tế, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu: Lê Chân, Nam An Phụ, Quyết Thắng, Cát Hải, Tiên Lãng để quản lý, khai thác theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Sau khi hoàn thành việc tiếp nhận tài sản, căn cứ các quy định của pháp luật đất đai và pháp luật có liên quan, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định phương án, kế hoạch xử lý, khai thác nhà, đất đảm bảo đúng quy định của pháp luật, tránh bỏ trống, lãng phí.

3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Sở Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu: Lê Chân, Nam An Phụ, Quyết Thắng, Cát Hải, Tiên Lãng; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND TP;
- CPVP UBND TP;
- Phòng Tài chính;
- Lưu: VT, Đ.D.Hưng.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Anh Quân

PHỤ LỤC: DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CHUYỂN GIAO VỀ TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 5233/QĐ-UBND ngày 25 /12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Tên tài sản, cơ sở nhà, đất	Diện tích đất (m²)	Diện tích xây dựng (m²)	Diện tích sàn sử dụng (m²)	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại tại thời điểm 31/12/2024 (đồng)
I	**Sở Y tế (03 cơ cở nhà đất)**					
1	*Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Bảo: Cơ sở điều trị II Vĩnh Long (Xã Vĩnh Thịnh)*					
-	Đất	1.000			1.200.000.000	1.200.000.000
-	Khu nhà khám đa khoa, nhà bếp		285	410	Không xác định	
2	*Trung tâm Y tế thị trấn Vĩnh Bảo: Khu phố 3/2, thị trấn Vĩnh Bảo (cũ)*					
-	Đất	668			1.135.872.000	1.135.872.000
-	Nhà trạm Y tế		163	163	Không xác định	
3	*Trung tâm Y tế Hồng Bàng: số 51, 53 Tôn Đản, Phan Bội Châu (cũ), Hồng Bàng*					
-	Đất	72,9			4.380.000.000	4.380.000.000
-	Khu nhà khám đa khoa		72,9	72,9	Không xác định	
II	**Ủy ban nhân dân xã Quyết Thắng (01 cơ cở nhà đất)**					
1	*Trường Mầm non Tiên Cường cơ sở 3: Thôn Đại Công, xã Tiên Cường (cũ)*					
-	Đất	88,4			79.560.000	79.560.000
-	Nhà cấp 4 (01 tầng)		32,4	32,4	Không xác định	
III	**Ủy ban nhân dân xã Nam An Phụ (02 cơ sở nhà đất)**					
1	*Trụ sở Đội thuế Phúc Thành thuộc Chi cục Thuế khu vực Kinh Môn (cũ)*					
-	Đất	225			1.575.000.000	1.575.000.000
-	Nhà		56	56	296.375.000	0
-	Cổng, tường rào				81.699.000	0
2	*Nhà mẫu giáo thôn Trung Hoà, xã Thăng Long, thị xã Kinh Môn (cũ)*					
-	Đất	200			1.400.000.000	1.400.000.000
IV	**Ủy ban nhân dân phường Lê Chân (03 cơ sở nhà đất)**					
1	*Trụ sở Uỷ ban nhân dân phường Trại Cau (cũ): số 90 Mê Linh*					
-	Đất	149,8			6.741.000.000	6.741.000.000
-	Nhà làm việc 06 tầng		149,8	898,8	9.780.997.000	6.651.077.960

TT	Tên tài sản, cơ sở nhà, đất	Diện tích đất (m²)	Diện tích xây dựng (m²)	Diện tích sàn sử dụng (m²)	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại tại thời điểm 31/12/2024 (đồng)
2	*Trụ sở Uỷ ban nhân dân phường Cầu Đất (cũ): Số 120 Cầu Đất*					
-	Đất	128,1			10.888.500.000	10.888.500.000
-	Nhà làm việc 06 tầng		128,1	778,6	5.717.782.000	759.893.233
3	*Cơ sở nhà đất số 188 Cầu Đất, Lê Chân: Dôi dư sau khi tiếp nhận theo địa giới hành chính mới từ UBND phường Gia Viên*					
-	Đất	16,4			1.394.000.000	1.394.000.000
-	Nhà 3 tầng		16,4	49,2	Không xác định	0
V	**Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải (06 cơ sở nhà đất)**					
1	*Trụ sở Uỷ ban nhân dân xã Hiền Hào (cũ): Thôn 2 Hiền Hào, Cát Hải*					
-	Đất	2.697,8			14.568.120.000	14.568.120.000
-	Toà nhà số 1: Toà nhà làm việc 2 tầng		192	384	5.786.636.000	5.352.638.300
-	Toà nhà số 2: Toà nhà làm việc 2 tầng		203	406	3.027.765.000	2.058.880.200
-	Toà số 3: Nhà bảo vệ 01 tầng		20	20	Không xác định	
-	Toà số 4: Nhà kho 01 tầng		39	39	Không xác định	
2	*Trụ sở Uỷ ban nhân dân xã Hoàng Châu (cũ): Thôn Đình, Cát Hải*					
-	Đất	716,8			1.677.312.000	1.677.312.000
-	Toà số 1: Toà nhà làm việc 02 tầng		141,1	282,2	1.429.821.000	1.055.772.000
-	Toà số 2: Nhà để xe				Không xác định	
3	*Trụ sở Uỷ ban nhân dân xã Nghĩa Lộ (cũ): Thôn Minh Hồng, Cát Hải*					
-	Đất	788,1			2.049.060.000	2.049.060.000
-	Toà nhà làm việc 2 tầng		260	520	3.869.772.000	1.192.201.824
-	Nhà bảo vệ 01 tầng		10,24	10,24	Không xác định	
-	Nhà kho 1 tầng		9,84	9,84	Không xác định	
-	Nhà vệ sinh		10,56	10,56	Không xác định	
-	Nhà để xe		20,5	20,5	Không xác định	
4	*Trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Cát Hải cũ: Thôn 18 Cát Bà, thị trấn Cát Bà cũ*					
-	Đất	126,9			3.426.300.000	3.426.300.000

TT	Tên tài sản, cơ sở nhà, đất	Diện tích đất (m²)	Diện tích xây dựng (m²)	Diện tích sàn sử dụng (m²)	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại tại thời điểm 31/12/2024 (đồng)
-	Nhà làm việc		195	390	489.466.176	0
5	*Trụ sở nhà làm việc Đội thị chính huyện Cát Hải (cũ): Thôn 18 Cát Bà, thị trấn Cát Bà cũ*					
-	Đất	395,6			10.681.200.000	10.681.200.000
-	Nhà làm việc số 1, 02 tầng		156	311	537.226.000	21.489.040
-	Nhà làm việc số 2, 02 tầng		68	137	783.307.000	234.992.100
-	Nhà kho, bếp		19	19	62.340.000	0
6	*Nhà làm việc Trạm cung ứng điện nước huyện Cát Hải (cũ): Thôn 18 Cát Bà, thị trấn Cát Bà cũ*					
-	Đất	464			12.536.100.000	12.536.100.000
-	Nhà làm việc 1 tầng		150	150	22.698.000	4.607.690
VI	**Uỷ ban nhân dân xã Tiên Lãng (01 cơ sở nhà đất)**					
1	*Trụ sở làm việc Hạt quản lý đường bộ cũ: Khu 4, Thị trấn Tiên Lãng cũ*					
-	Đất	921			13.740.000.000	13.740.000.000
-	Nhà làm việc hướng Đông 2 tầng		221	442	Không xác định	
-	Nhà làm việc hướng Nam		79	79	Không xác định	
-	Nhà kho		80	80	Không xác định	
-	Nhà để xe		85	85	Không xác định	